

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Ngy 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2022/TLST - HNGĐ Ngy 29 tháng 12 năm 2022, về việc yêu cầu Tòa án “công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh Trần Duy K, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Tổ 10, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 10, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngy 11 tháng 01 năm 2023, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Trần Duy K và chị Nguyễn Thị T trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Duy K và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36, ngày 29/08/2006 của Ủy ban nhân dân xã Hồng An, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, chị T và anh K thực sự tự nguyện ly hôn và đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên cần được Tòa án công nhận.

[2] Anh Trần Duy K và chị Nguyễn Thị T đã thỏa thuận được với nhau về việc không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung; việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con cái, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân và gia đình đều được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo

quyền lợi chính đáng của các bên đương sự, của con chung, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 Ngự, kể từ Ngự lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Duy K và chị Nguyễn Thị T.

- **Về việc nuôi con chung:** Anh Trần Duy K và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là cháu Trần Duy L, sinh ngày 18/03/2008 và cháu Trần Thu Ng, sinh ngày 13/01/2011. Anh K và chị T thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Trần Duy L và Trần Thu Ng cho đến khi cháu L và cháu Ng thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K và chị T thỏa thuận, anh Trần Duy K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Duy L với số tiền 5.000.000 đồng/01 tháng.

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào Ngự 30 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 30/01/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Đối với con chung là cháu Trần Thu Ng, anh K và chị T thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi cháu Ng cho đến khi cháu Ng thành niên (đủ 18 tuổi).

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về lãi chậm thi hành án, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực, chị T có quyền yêu cầu thi hành án nếu anh K không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng, chậm trả tiền cấp dưỡng, hoặc trả không đầy đủ thì hàng tháng anh K còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Trần Duy K có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

- **Về tài sản chung, nợ chung cho vay chung:** Anh Trần Duy K và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền lệ phí trên theo biên lai nộp tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0001384 ngày 29/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Hồng An, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga